

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2025/HC-PT

Ngày: 29 - 9 - 2025

V/v *Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như Lạc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 533/2025/TLPT-HC ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2024/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 721/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: A, tổ B, khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên hệ: 1C đường số E, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Kiều Thành T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: B, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên hệ: số E, Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1997.

Địa chỉ: R V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên hệ: số E, Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim T.

(Tất cả những người tham gia tố tụng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Trước đây bà T nhận được giấy mời số 382/GM-UBND ngày 19/4/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Theo nội dung giấy mời bà T là một trong số 16 hộ dân được mời đến trụ sở Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường B để lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án Đường ven sông Đ và dự án Công viên và kè sông Đ thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

Đến đầu tháng 7/2021 bà T nhận được các quyết định thu hồi đất và bồi thường do thu hồi đất nêu trên.

Nhận thấy, việc nhà nước xây dựng cơ sở hạ tầng, mỹ quan đô thị nhằm phát triển kinh tế, xã hội rất đáng hoan nghênh nên gia đình ông bà cũng nghiêm chỉnh chấp hành theo quy định pháp luật như: Thực hiện ký nhận các quyết định mà cơ quan nhà nước bàn giao, ký biên bản kiểm điểm đất đai, tài sản và vật kiến trúc công trình trên đất, làm thủ tục bàn giao giấy chứng nhận, ký bàn giao mặt bằng....

Tuy nhiên, việc bà T chấp hành không đồng nghĩa đồng ý với các quyết định nêu trên của UBND thành phố B. Sau khi đọc và nghiên cứu các văn bản pháp luật, bà T nhận thấy các quyết định trên của UBND thành phố B là sai trái, vi phạm pháp luật với những lý do như sau:

I. Sai phạm về trình tự thủ tục:

Theo Luật đất đai 2013, tại điểm a, khoản 2 Điều 69. Trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng có quy định :

“2. Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

a) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban M cấp xã, đại diện những người có đất thu hồi.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn chỉnh phương án trình cơ quan có thẩm quyền;”

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu hồi đất thì UBND thành phố B không tổ chức họp dân để lấy ý kiến của người dân về phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư mà tự động áp giá bồi thường về đất, vật kiến trúc công trình lẫn phương án tái định cư từ đó gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của người khởi kiện. Những thiệt hại tôi sẽ trình bày ở mục sau.

Bên cạnh đó tại điểm a, điểm b, khoản 3, Điều 69 cũng có quy định

“3. Việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày;

b) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;”

Luật đã quy định rõ cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất phải quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong cùng một ngày tuy nhiên đến hiện tại người khởi kiện vẫn chưa nhận được quyết định tái định cư mặc dù thuộc diện được hưởng suất tái định cư do không đủ điều kiện cất nhà để ở.

II. Sai phạm về nội dung:

Thứ nhất: Về đơn giá bồi thường đất, vật kiến trúc công trình, cây cối trên đất.

Như đã trình bày ở trên, do trong quá trình thực hiện dự án, UBND thành phố B đã thực hiện không đúng trình tự thủ tục dẫn đến việc áp giá bồi thường không thỏa đáng, không lắng nghe tâm tư nguyện vọng của người dân là những người sinh sống, làm việc thực tế ở địa phương. Giá bồi thường được đưa ra là quá thấp, không đủ điều kiện để người dân ổn định chỗ ở mới, chênh lệch quá lớn so với giá thị trường. Người dân được nhà nước trao quyền thỏa thuận về giá bồi thường nhưng việc làm của hội đồng bồi thường là tước đi quyền lợi của họ.

Thực tế, đơn giá bồi thường không thỏa đáng vì đây là đơn giá bồi thường năm 2019. Số tiền bà T nhận bồi thường hiện tại không đủ để mua một miếng đất mới nên không thể áp giá bồi thường cũ mà phải tính giá bồi thường về đất, vật kiến trúc công trình gắn liền với đất theo đơn giá mới. Bà đã yêu cầu giá đền bù đất và nhà ở bằng với giá thị trường hiện nay, đây là điều kiện bà T có đủ kinh phí xây dựng lại một căn nhà mới, một chỗ ở để gia đình sinh sống ổn định lâu dài nhưng phía UBND thành phố B chưa giải quyết.

Việc tính giá đất bồi thường theo Quyết định của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà T đã vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 32 Hiến

pháp 2013; Khoản 2 Khoản 3 Điều 74; điểm c khoản 1 Điều 112 luật Đất đai 2013. Dẫn tới không công bằng, gây thiệt thòi rất nhiều cho gia đình bà T.

Khoản 3 Điều 32 Hiến pháp 2013 quy định: *“Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của tổ chức, cá nhân theo giá thị trường”*

Khoản 2 Khoản 3 Điều 74 luật đất đai 2013 quy định *“2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.*

3. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật”

Điểm c khoản 1 Điều 112 Luật đất đai 2013 quy định nguyên tắc, phương pháp định giá đất: *“Phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng”*

Nguyên tắc thu hồi đất là phát triển kinh tế xã hội, tạo điều kiện an sinh phát triển cho người dân. Nếu thu hồi đất mà làm cho cuộc sống của người dân khó khăn, thiệt thòi hơn thì điều đó đã đi ngược với chính sách của Pháp L1, Đ và Nhà nước.

Nếu áp đơn giá bồi thường thấp không phù hợp với thực tế thì cơ quan thu hồi đất cũng cần xem xét tăng tiền hỗ trợ thu hồi đất cho người dân để phù hợp thực tế, để người dân có thể vui vẻ chấp hành, hài hòa lợi ích của người dân và nhà nước.

Thứ hai: Về tái định cư.

Thực tế, gia đình bà T thuộc diện bị thu hồi giải tỏa trắng toàn bộ diện tích đất ở (55,5m²) phải di chuyển chỗ ở, không có chỗ ở nào khác trong địa bàn phường B và đủ điều kiện được bố trí 01 suất tái định cư hộ chính. Ngoài ra, gia đình con bà T cùng sinh sống trên thửa đất bị thu hồi. Con trai bà T tên là Hồ Bửu H (sinh năm 1991) kết hôn vào ngày 29 tháng 03 năm 2013 trước thời điểm thông báo thu hồi đất rất lâu, hiện đang có 02 cháu nhỏ. Đủ điều kiện tách thành một hộ riêng theo quy định về luật cư trú.

Căn cứ khoản 2, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP về quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất:

“... 2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất

ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình. ..."

Theo như nội dung trên thì có 02 trường hợp để được cấp thêm suất tái định cư đó là đủ điều kiện tách hộ hoặc nhiều hộ có chung quyền sử dụng một thửa đất. Gia đình con trai bà T đủ điều kiện để *tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú* nên phải được xét giao 01 (một) suất tái định cư.

UBND thành phố B căn cứ vào khoản 6 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ *“hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống, đủ điều kiện tách hộ, có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi thì được xét cấp tái định cư cho từng hộ gia đình*. Quy định của Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ không đúng với tinh thần và quy định tại khoản 2, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ. Biến 02 trường hợp khác nhau gộp lại thành 01 trường hợp, thay chữ *“hoặc”* bằng dấu *“phẩy”*- có nghĩa là chữ *“và”*. Tự động thêm vào điều kiện có chung quyền sử dụng đất, từ đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xét cấp tái định cư cho người dân có đất thu hồi.

Căn cứ Khoản 2 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020, việc Ủy ban nhân dân thành phố B không áp dụng Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ để xác định trong hộ gia đình bà T có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi, đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì được giải quyết tái định cư cho gia đình bà T là không đúng quy định.

Khoản 2 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định: *“Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật*

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.”

Đồng thời, theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/2/2018 của UBND tỉnh Đ (*bị thay thế* bởi Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ) quy định: *“2. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng*

cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi mà không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì mỗi cặp vợ chồng đó được Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất, diện tích đất được giao bằng (=) mức diện tích nhỏ nhất theo quy hoạch chi tiết của khu tái định cư hoặc được Nhà nước bán nhà ở tái định cư.”

Và theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Đ (thay thế Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ) quy định: “8. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống, có nhà ở riêng lẻ và đủ điều kiện tách hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú, có sử dụng chung một (01) thửa đất ở bị thu hồi phải di chuyển chỗ ở, nếu chủ hộ đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, ngoài việc được xét bố trí tái định cư cho chủ hộ thì mỗi cặp vợ chồng còn lại được xét giao một (01) suất tái định cư nếu có đăng ký kết hôn trước khi có thông báo thu hồi đất và không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi.”

Việc văn bản liên trước và văn bản liên sau quyết định số 27/2020/QĐ-UBND, có sự khác biệt về nội dung xem xét tái định cư chứng tỏ quyết định số 27/2020/QĐ-UBND có sai sót. Đối với quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/2/2018 đã truyền tải đầy đủ tinh thần và quy định của khoản 2, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP. Quyết định 27/2020/QĐ-UBND là sự biến tấu thêm bớt thiếu hợp lý từ phía cơ quan ban hành. Cần phải phân biệt rõ việc sử dụng chung một thửa đất với có quyền sử dụng chung một thửa đất. Việc hiểu sai lệch thuật ngữ pháp lý dẫn đến hệ quả vô cùng nghiêm trọng.

Như vậy, theo đúng tinh thần Luật quy định tại khoản 2, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP thì gia đình con bà T đủ điều kiện được bố trí tái định cư. Việc Ủy ban nhân dân thành phố B không xét bố trí tái định cư cho ông H con bà T là sai trái, vi phạm pháp luật.

Vậy gia đình bà T đủ điều kiện để được xét giao thêm 01 (một) suất tái định cư.

Thứ ba: Về hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với hộ dân giải tỏa trắng.

Căn cứ theo khoản 1, Điều 28 Quyết định 10/2018/QĐ-UBND quy định hỗ trợ tiền thuê nhà ở “*Hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất ở mà được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới được bố trí vào nhà ở tạm hoặc được hỗ trợ tiền thuê nhà ở*”. Hiện gia

đình bà T vẫn chưa nhận được khoản tiền này và trong bảng chiết tính cũng không ghi.

Vì vậy, bà T yêu cầu hủy các quyết định sau:

1. Quyết định số 1669/QĐ – UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc Thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị Kim T để thực hiện Dự án Xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

2. Quyết định số 1677/QĐ – UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện Dự án Xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

3. Quyết định số 1692/QĐ – UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc Thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị Kim T để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng ven sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

4. Quyết định số 1707/QĐ – UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng ven sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

5. Quyết định số 2584/QĐ – UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng ven sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

1. Về hồ sơ pháp lý thực hiện dự án:

Căn cứ Nghị Quyết số 178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đ về việc quyết định chủ trương đầu tư một số Dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó có Dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) và Dự án xây dựng Công viên và Kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V);

Căn cứ Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố B;

Căn cứ Quyết định số 3445/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B và dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ (từ cầu H đến giáp ranh huyện V)

2. Quá trình lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Kim T:

Ngày 28/3/2020, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 907/TB-UBND về việc thu hồi của bà Nguyễn Thị Kim T để thực hiện Dự án Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 2 phường B, với diện tích 28,1m².

Ngày 28/3/2020, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 543/TB-UBND về việc thu hồi của bà Nguyễn Thị Kim T để thực hiện Dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 2 phường B, với diện tích 27,4m².

Trên cơ sở Thông báo thu hồi đất của hộ dân, ngày 17/6/2020 Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B đã phối hợp cùng với các ban ngành để tiến hành kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất.

Ngày 25/02/2021, UBND phường B lập Giấy xác nhận nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc số 594/XN-UBND và số 595/XN-UBND cho bà T với nội dung như sau: *“Thửa đất số 9, tờ bản đồ số 2: đất do bà Nguyễn Thị Kim T sử dụng, thửa đất được Sở tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận số BV 646122 ngày 03/01/2015, với diện tích 55,5m². Nhà, vật kiến trúc do bà T xây dựng từ năm 2006, có một phần diện tích lấn sông Đ (không phép, không xử phạt), sử dụng ổn định, không tranh chấp”*.

Ngày 22/9/2020, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3445/QĐ- UBND về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B và dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ (từ cầu H đến giáp ranh huyện V). Theo đó giá đất ở tại đô thị vị trí 2 đường V có giá cụ thể là 11.186.000 đồng/m²;

Theo kết quả kiểm đếm, nội dung xác nhận của UBND phường B, giá đất được UBND tỉnh quy định cụ thể nêu trên, các chính sách hỗ trợ được quy định tại Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 và Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi một số Phụ lục Đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã lập Bảng chiết tính giá trị bồi thường với các giá trị sau:

- Tại dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V): bồi thường về đất là 314.327.000 đồng; nhà, vật kiến trúc: 174.270.000 đồng; tài sản khác là 4.248.000 đồng; thưởng cho đối tượng chấp hành tốt chủ trương, sách pháp luật về đất đai là 12.000.000 đồng; hỗ trợ di chuyển 6.000.000 đồng. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 510.845.000 đồng.

- Tại dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V): bồi thường về đất là 306.496.000 đồng.

- Do bà T có các tài sản xây dựng trên phần diện tích đất lấn sông Đ, nên Trung tâm phát triển quỹ đất đã lập phương án hỗ trợ bổ sung với hạn mục nhà, vật kiến trúc với giá trị là 22.243.000 đồng.

Sau khi hoàn thiện các hồ sơ nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã tham mưu Hội đồng bồi thường dự án trình các cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ của bà T. Trên cơ sở hồ sơ do đơn vị trình kèm theo, Phòng T2 đã chủ trì cùng các ngành của thành phố để thẩm định và trình UBND thành phố B ban hành các Quyết định:

- Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Kim T; Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V). Tổng giá trị được tính toán bồi thường là 510.845.000 đồng.

- Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Kim T; Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V). Tổng giá trị được tính toán bồi thường là 306.496.000 đồng.

- Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V)- bổ sung. Tổng giá trị được tính toán bồi thường là 22.243.000 đồng.

3. Đối với việc xét tái định cư tại Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án tái định cư và giải quyết nơi ở cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa thực hiện Dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B và Dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V):

Căn cứ Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về tiêu chuẩn và trình tự thủ tục giải quyết tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Theo kết quả xét tái định cư của UBND phường B, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã tham mưu Hội đồng bồi thường dự án trình các cơ quan thẩm định phương án tái định cư cho bà Nguyễn Thị Kim T; Trên cơ sở hồ sơ do đơn vị trình kèm theo, Phòng T2 đã chủ trì cùng các ngành của thành phố để thẩm định và trình UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 về việc phê duyệt phương án tái định cư và giải quyết nơi ở cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa thực hiện Dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành

phố B và Dự án Kè sông Đồng Nai, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V, đợt 5-KV2).

Theo đó, bà T được phê duyệt 01 suất tái định cư hộ chính.

Nơi bố trí tái định cư tại khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường B do Công ty Cổ phần K làm chủ đầu tư. Hiện bà Nguyễn Thị Kim T đã nhận đất tái định cư và bàn giao mặt bằng theo quy định.

4. Ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, quy định Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong các trường hợp sau: Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi bao gồm: “ a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước...công viên...

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương bao gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải”.

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố B được UBND tỉnh Đ phê duyệt tại Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) và Dự án xây dựng Công viên và Kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 (số thứ tự 364 và 368 trong bảng tổng hợp kèm theo Quyết định);

Căn cứ Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đ quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về tiêu chuẩn và trình tự thủ tục giải quyết tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 2 phường B như nêu trên, thì việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của bà T để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V); Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà T để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V); Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc thu hồi đất của bà T để thực hiện Dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V); Quyết định số

1677/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà T để thực hiện Dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V); Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V)- bổ sung và Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 về việc phê duyệt phương án tái định cư và giải quyết nơi ở cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa là đảm bảo đúng đối tượng, loại đất và đúng trình tự thực hiện theo Quyết định nêu trên.

Do đó, bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định này là không có căn cứ, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2024/HC-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính của UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai gồm:

+ Quyết định số 1669/QĐ – UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc Thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị Kim T để thực hiện Dự án Xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

+ Quyết định số 1677/QĐ – UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện Dự án Xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

+ Quyết định số 1692/QĐ – UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc Thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị Kim T để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng ven sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

+ Quyết định số 1707/QĐ – UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng ven sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

+ Quyết định số 2584/QĐ – UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng ven sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền

kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người bị kiện, đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim T, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim T, có người đại diện theo ủy quyền là ông Kiều Thành T1, bà Nguyễn Thị Ngọc C; người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai, đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 26/8/2022, bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính về thu hồi, bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố B bao gồm: Quyết định số 1669/QĐ-UBND, Quyết định số 1677/QĐ-UBND, Quyết định số 1692/QĐ-UBND, Quyết định số 1707/QĐ-UBND cùng ngày 30/6/2021 và Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 là khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối

tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Ngày 29/10/2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Đ thông qua Nghị Quyết số 178/NQ-HĐND về việc quyết định chủ trương đầu tư một số Dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó có Dự án đầu tư xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) và Dự án xây dựng Công viên và Kè sông Đ, thành phố B (từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

Ngày 31/12/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 4385/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố B.

Ngày 22/9/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3445/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B và dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ (từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

Bà Nguyễn Thị Kim T có diện tích 55,5m² đất ở bị ảnh hưởng bởi hai dự án nêu trên, nên sau khi kiểm đếm, lập Giấy xác nhận nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc trên đất, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành các quyết định hành chính bao gồm: Quyết định số 1669/QĐ-UBND, Quyết định số 1677/QĐ-UBND, Quyết định số 1692/QĐ-UBND, Quyết định số 1707/QĐ-UBND cùng ngày 30/6/2021 và Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 về thu hồi và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; các Điều 62, 63, 69; 88, 89, 90 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung: Xét các yêu cầu kháng cáo của bà T.

[2.2.1] Về giá đất bồi thường

Xét thấy, việc thu hồi 55,5m² đất của gia đình bà Nguyễn Thị Kim T để thực hiện dự án xây dựng Đường ven sông Đ, thành phố B và dự án xây dựng Công viên và kè sông Đ (từ cầu H đến giáp ranh huyện V) thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất*

thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”.

Phần đất diện tích 55,5m² đất bị thu hồi của gia đình bà T có mục đích sử dụng là đất ở đô thị, thuộc vị trí 2 nên ngày 30/6/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1707/QĐ-UBND và Quyết định số 1677/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho bà T ở hai dự án với số tiền 510.845.000 đồng và 306.496.000 đồng, theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất, là đúng quy định tại các Điều 74, 75, 79, 83, 114 Luật đất đai năm 2013 và các Điều 9, 19, 20, 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngoài ra, ngày 01/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 2584/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho bà T các tài sản xây dựng trên phần diện tích đất lấn sông Đ với số tiền 22.243.000 đồng, là đã xem xét, áp dụng đầy đủ các quy định của pháp luật có lợi về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho bà T. Do đó, bà Nguyễn Thị Kim T kháng cáo yêu cầu được đền bù theo giá đất và giá trị nhà ở bằng với giá thị trường hiện nay là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2] Về yêu cầu suất tái định cư cho hộ phụ (là con của bà T)

Hộ bà Nguyễn Thị Kim T bị thu hồi toàn bộ diện tích 55,5m² đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 646122 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 03/01/2015 và không có nơi ở nào khác nên được phê duyệt 01 suất tái định cư hộ chính theo Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Bà T yêu cầu được giải quyết chính sách tái định cư hộ phụ cho con trai của bà là anh Hồ Bửu H đã kết hôn trước thời điểm có thông báo thu hồi đất và đủ điều kiện để tách thành hộ riêng.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất như sau:

“... 2. Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình....”.

Như vậy, trong trường hợp anh Hồ Bửu H đủ điều kiện tách thành hộ riêng thì pháp luật cũng không quy định bắt buộc Ủy ban nhân dân có thẩm quyền phải phê duyệt 01 suất tái định cư cho hộ phụ mà “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình... ”*”.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố B căn cứ vào khoản 6 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định “*hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống, đủ điều kiện tách hộ, có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi thì được xét cấp tái định cư cho từng hộ gia đình*” để không phê duyệt 01 suất tái định cư cho hộ phụ của bà Nguyễn Thị Kim T, là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Phương án bồi thường của các dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh P.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim T, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T về việc yêu cầu hủy các quyết định gồm:

+ Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị Kim T để thực hiện

Dự án Xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

+ Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện Dự án Xây dựng Công viên và kè sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

+ Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc Thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị Kim T để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng ven sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

+ Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng ven sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

+ Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị Kim T do thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng ven sông Đ, thành phố B (đoạn từ cầu H đến giáp ranh huyện V).

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000429 ngày 26/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Đinh Ngọc Thu Hương

Trần Thị Hòa Hiệp